

TRƯỜNG TIỂU HỌC:
Họ và tên:
Lớp:

ĐỀ ÔN LUYỆN HỌC KỲ I (1)
Môn: TOÁN - LỚP 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

a) Bảy mươi sáu viết là:

- A. 67 B. 76 C. 70

b) Số bị trừ là 52, số trừ là 18, hiệu hai số đó là:

- A. 34 B. 44 C. 70

c) Số liền trước của số tròn chục lớn nhất có 2 chữ số là:

- A. 90 B. 91 C. 89

d) Số liền sau của 29 là hiệu của:

- A. 50 và 20 B. 50 và 21 C. 50 và 19

e) Nếu ngày 15 tháng 12 là Thứ Tư thì ngày 22 tháng 12 là:

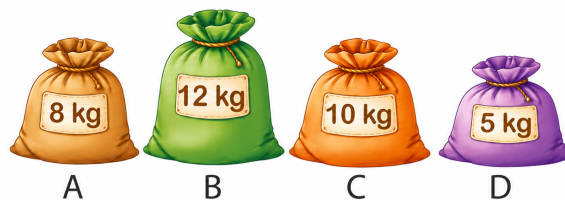
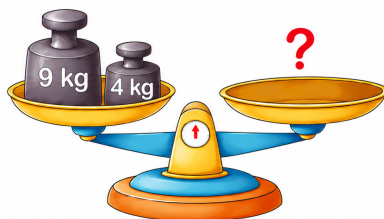
- A. Thứ Ba B. Thứ Tư C. Thứ Năm

f) Đồng hồ trong hình bên chỉ mấy giờ?

- A. 7 giờ 15 phút. B. 7 giờ 30 phút
C. 8 giờ 15 phút. D. 7 giờ 45 phút



Bài 2: Quan sát hình ảnh và lấy hai túi nào đặt lên đĩa cân bên phải để cân thăng bằng?



A. Túi A và B

B. Túi A và D

C. Túi C và D

D. Túi B và C

Bài 3: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Hình bên: tam giác

..... tứ giác.



II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 4: Đặt tính rồi tính:

$$54 + 28$$

.....

.....

.....

$$100 - 43$$

.....

.....

.....

$$76 + 9$$

.....

.....

.....

$$8 + 59$$

.....

.....

.....

Bài 5: Điền dấu thích hợp (>, <, =) vào chỗ chấm:

a) $48 + 27$ $91 - 16$

c) $64 + 18$ $55 + 27$

b) $35 + 65$ $100 - 12$

d) $92 - 38$ $47 + 15$

Bài 6: Tính giá trị của biểu thức:

a) $531 + 371 - 251 =$

b) $100 \text{ kg} - 48 \text{ kg} + 17 \text{ kg} =$

Bài 7: Biết A, B, C là 3 điểm thẳng hàng. Hãy vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 4 cm, đoạn thẳng BC có độ dài 5 cm.

Bài 8: Thùng thứ nhất có 62 l sữa. Thùng thứ nhất có nhiều hơn thùng thứ hai 18 l sữa. Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu lít sữa?

Bài giải

Bài 9: Khi học lớp 1, bạn Nam cân nặng 22 kg. Bây giờ, bạn Nam cân nặng 31 kg. Hỏi cân nặng của bạn Nam đã tăng thêm bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

Bài 10: Tính độ dài đường gấp khúc ABCD, biết độ dài các đoạn thẳng $AB = 15\text{ cm}$, $BC = CD = 10\text{ cm}$.

Bài giải

